

Số: 05/2020/QĐST-DS

Thuận An, ngày 16 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

- Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thẩm phán.
- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án*” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2020/QĐMPH-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu:

- Ông Trần Đức T, sinh năm 1970; nơi thường trú: Số C khu phố A, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn Thảng B, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 12 năm 2019). Có mặt.
- Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1973; nơi thường trú: Số A, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu ông Trần Đức T - ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 03/8/2018 bà Nguyễn Thanh N ký hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 9079 ngày 03/8/2018 để vay của ông Trần Đức T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm từ ngày 03/8/2018 đến 03/8/2021. Khi vay tiền bà Nga có thể chấp cho ông Trần Đức T một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01389/AT do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2011 cho bà Nguyễn Thanh N.

Ngày 20/10/2018 bà Nguyễn Thanh N ký tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 11531 ngày 20/10/2018 với ông Trần Đức T để vay thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 01/12/2018 bà Nguyễn Thanh N ký tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 13026 ngày 01/12/2018 với ông Trần Đức T để vay thêm số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 20/02/2019 bà Nguyễn Thanh N ký tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 1397 ngày 20/02/2019 với ông Trần Đức T để vay thêm số tiền 60.000.000 đồng;

Ngày 20/05/2019 bà Nguyễn Thanh N ký tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 5178 ngày 20/05/2019 với ông Trần Đức T để vay thêm số tiền 76.000.000 đồng;

Ngày 21/8/2019 bà Nguyễn Thanh N ký tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 9380 ngày 21/8/2019 với ông Trần Đức T để vay thêm số tiền 14.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thanh N vay của ông Trần Đức T là 450.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thoả thuận. Tất cả các hợp đồng trên đều được công chứng tại văn phòng công chứng T.

Từ ngày 21/8/2019 đến nay bà N không thanh toán tiền lãi cho ông T, ông T đã nhiều lần liên hệ nhưng bà N vẫn không thanh toán. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh N trả lại số tiền vay gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán tạm tính 12.945.205 đồng. Tổng cộng 462.945.205 đồng.

Ông Trần Đức T có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01389/AT do UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/6/2011 cho bà Nguyễn Thanh N khi bà Nguyễn Thanh N thanh toán hết số tiền trên cho ông Trần Đức T.

Tuy nhiên, qua quá trình hòa giải ông T tự nguyện không yêu cầu bà N trả tiền lãi mà chỉ yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 450.000.000 đồng ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Quá trình làm việc bà Nguyễn Thanh N trình bày: Bà xác định hiện nay còn nợ ông Trần Đức T tiền gốc 450.000.000 đồng như trên. Nay ông Thanh khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền trên thì bà đồng ý, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến tại phiên họp:

- Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 03/01/2020 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương là phù hợp nên đề nghị Chủ tọa phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu và công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo biên bản hòa giải thành ngày 03/01/2020 giữa ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự

và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thanh N yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 03/01/2020 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, đây là yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung: Ông Trần Đức T yêu cầu bà Nguyễn Thanh N trả lại số tiền vay 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, các bên tham gia thoả thuận có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thoả thuận của các đương là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án ngày 03/01/2020 của các đương sự là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 7 Điều 27, Điều 35, Điều 40, Điều 92, Điều 149, Điều 370, Điều 417, Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2020/TLST-VDS ngày 06 tháng 01 năm 2020, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thanh N đồng ý trả cho ông Trần Đức T số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) tại hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 9079 ngày 03/8/2018; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 11531 ngày 20/10/2018; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 13026 ngày 01/12/2018; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 1397 ngày 20/02/2019; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 5178 ngày 20/05/2019; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm công chứng số 9380 ngày 21/8/2019 tại văn phòng công chứng T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

2. Ông Trần Đức T có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01389/AT do Ủy

ban nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2011 cho bà Nguyễn Thanh N khi bà Nguyễn Thanh N thanh toán hết số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Trần Đức T.

Điều 2. Lệ phí:

Ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046045 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huệ